

Số: 382/BC-STP

An Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Tư pháp

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 803/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2022, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-STP ngày 17/01/2022 của Sở Tư pháp về công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2022, trong đó tập trung vào các nội dung sau: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Theo Kế hoạch cải cách hành chính của Sở trong năm 2022, Sở đề ra 30 nhiệm vụ theo Phụ lục đính kèm Kế hoạch; kết quả, Sở hoàn thành 30/30 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch đã đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính: Ban Giám đốc Sở thường xuyên quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính thông qua các Thông báo kết luận hội nghị giao ban hàng tháng của cơ quan. Ngoài ra còn ban hành các văn bản để chỉ đạo công tác cải cách hành chính của cơ quan theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ được giao, như: Công văn số 1020/STP-VP ngày 25/7/2022 của Sở Tư pháp về chỉ đạo các Phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Bình kết quả thực hiện cuộc họp đánh giá thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022; Công văn số 969/STP-VP ngày 14/7/2022 của Sở Tư pháp chỉ đạo các Phòng, đơn vị thuộc Sở tăng cường thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát TTHC và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở Tư pháp năm 2022; Công văn số 1196/STP-VP ngày 23/8/2022 của Sở Tư pháp chỉ đạo các Phòng, đơn vị thuộc Sở tăng cường nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước Sở Tư pháp.

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị: Trong năm, khi ban hành Kế hoạch phát động thi đua khen thưởng tại cơ quan và tại Phòng Tư pháp cấp huyện, Sở điều lồng ghép nội dung cải cách hành chính, trong đó tập trung vào cải cách thủ tục hành chính vào

trong các tiêu chí thi đua. Đây là 01 những tiêu chí để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị.

- Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính: Trong năm, Sở có 04 cá nhân công nhận sáng kiến cấp tỉnh đợt 1 năm 2021 theo Quyết định số 24/QĐ-HĐSK ngày 26/7/2022 của Hội đồng sáng kiến tỉnh.

3. Kiểm tra cải cách hành chính

Thực hiện Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh An Giang, Sở Tư pháp chủ trì, tổ chức kiểm tra công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi trong nước theo Kế hoạch số 02/KH-STP ngày 07/01/2022 của Sở Tư pháp. Việc kiểm tra công tác hộ tịch, nuôi con nuôi¹ tiến hành tại UBND 02 huyện Phú Tân, Châu Thành và UBND 04 xã Phú Xuân, Phú Hiệp (huyện Phú Tân); Vĩnh Hanh, Vĩnh Bình (huyện Châu Thành). Kết quả kiểm tra cho thấy các hồ sơ hộ tịch được sắp xếp ngăn nắp, sổ bộ hộ tịch các năm được lưu trữ tốt, có thực hiện biện pháp phòng chống bão lụt, cháy, ẩm ướt, mối mọt để bảo đảm an toàn; ghi chép sổ hộ tịch theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp cải chính hộ tịch nhưng còn thiếu biên bản xác minh và thiếu căn cứ cải chính; một số trường hợp đăng ký khai tử đã lâu chưa có biên bản xác minh cụ thể; việc ghi chép sổ còn phát sinh một số lỗi nhưng chưa đóng dấu gập lại, ghi sổ hai màu mực. Việc kiểm tra công tác chứng thực tiến hành kiểm tra hồ sơ thực tế tại Phòng Tư pháp huyện Châu Thành và Phú Tân, cùng 04 Ủy ban nhân dân cấp xã là Phú Hiệp, Phú Xuân, Vĩnh Hanh, Vĩnh Bình².

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về bồi thường nhà nước, Sở Tư pháp chủ trì, tổ chức Đoàn Kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường nhà nước năm 2022³ tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên và Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Phú⁴.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch số 92/KH-STP ngày 02/6/2022 của Sở Tư pháp tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022. Trên cơ sở đó, Sở đã viết đăng nhiều tin bài trên Cổng thông tin điện tử hằng tháng, Bản tin tư pháp hằng quý; nội dung đều lồng ghép công tác cải cách hành chính, đặc biệt là công tác kiểm soát thủ tục hành chính của đơn vị.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

¹ Báo cáo số 229/BC-STP ngày 17/8/2022 của Sở Tư pháp.

² Báo cáo số 213/BC-STP ngày 01/8/2022 của Sở Tư pháp.

³ Quyết định số 33/QĐ-STP ngày 01/3/2022 của Sở Tư pháp.

⁴ Kết luận số 875/KL-SĐKTLN ngày 30/6/2022 của Đoàn kiểm tra liên ngành.

- Kết quả xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng 56 quyết định QPPL (*Đến nay việc thực hiện đạt 64%*). Tính đến ngày 31/11/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 20 nghị quyết QPPL (*So với cùng kỳ tăng 07 văn bản*), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 36 quyết định QPPL (*So với cùng kỳ giảm 14 văn bản*). Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định 83 dự thảo văn bản (*So với cùng kỳ giảm 16 văn bản*); góp ý 118 dự thảo VBQPPL (*So với cùng kỳ giảm 19 văn bản*).

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật

Tiếp tục thực hiện “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018 – 2022, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 26/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022; Công văn số 213/UBND-NC ngày 11/3/2022 triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 236/BC-UBND ngày 27/4/2022 kết quả việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND, UBND trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang. Báo cáo Bộ Tư pháp kết quả việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND, UBND trên địa bàn tỉnh An Giang. Báo cáo Bộ Công an, Bộ Tư pháp kết quả rà soát triển khai định danh và xác thực điện tử. Đóng góp ý kiến đối với hồ sơ Thông tư quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

Sở Tư pháp tổ chức Đoàn kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại 02 huyện⁵; Tiếp Đoàn khảo sát của Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp tổ chức; Tham gia các hoạt động “Đánh giá thực trạng tham gia của người dân trong giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại Việt Nam hiện nay” tại tỉnh và thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật một trong các lĩnh vực về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bối cảnh dịch Covid-19.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Sở Tư pháp chủ động phối hợp với các Sở, ban ngành tổ chức 30 Hội nghị, lớp tập huấn 2.549 lượt người tham dự. Cụ thể: Phối hợp với Liên đoàn Lao động

⁵ Báo cáo số 201/BC-STP ngày 15/7/2022 của Sở Tư pháp.

tỉnh tổ chức 07 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho hệ thống báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, tuyên truyền viên pháp luật trong hệ thống công đoàn với 569 lượt người tham dự; 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc, huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn và huyện Thoại Sơn với 495 người tham dự; 04 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đoàn viên, thanh niên tại địa bàn thị xã Tân Châu, huyện Chợ Mới, Trường Đại học An Giang và Đoàn Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh với 308 lượt người tham dự; 03 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện: Tri Tôn, Thoại Sơn và An Phú với 277 lượt người tham dự; 03 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ công tác mặt trận ở cơ sở tại địa bàn huyện Tri Tôn, Phú Tân và Tịnh Biên với 307 lượt người tham dự; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ và hội viên hội nông dân các cấp với 73 người tham dự; 02 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho cán bộ, hội viên Hội phụ nữ các cấp trên địa bàn huyện Chợ Mới và huyện Phú Tân với 283 lượt người tham dự; 01 lớp tuyên truyền, giáo dục, vận động hỗ trợ phụ nữ giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ năm 2022 tại huyện Châu Phú với 93 lượt người tham dự.

Thông qua hình thức tổ chức Hội thi, Cuộc Thi: Sở Tư pháp phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức Hội thi về “kỹ năng tuyên truyền văn bản pháp luật và tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ” trên địa bàn tỉnh An Giang với 108 lượt người tham dự; Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về Tháng công nhân, Bộ luật Lao động năm 2019, Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015 với 7.878 lượt đoàn viên công đoàn trên địa bàn tỉnh tham gia; Phối hợp với Tỉnh Đoàn tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Pháp luật” năm 2022 với **4.751** lượt đăng ký và **7.112** lượt thí sinh dự.

Tuyên truyền thông qua biên soạn, in ấn, phát hành tài liệu: Sở Tư pháp tổ chức biên tập, in ấn, phát hành **3.000** Bản tin Tư pháp An Giang; cấp phát **1.690** sách luật⁶; **800** cuốn Sổ tay công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022 (lồng ghép nội dung hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật); **1.700** cuốn Sổ tay kiến thức pháp luật cho các đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn.

Thực hiện PBGDPL qua các phương tiện thông tin đại chúng: Năm 2022, Sở Tư pháp phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang phát sóng **16** thông điệp pháp luật và **22** tình huống pháp luật trên chuyên mục “Pháp luật và chính sách”; phối hợp với Báo An Giang thực hiện biên soạn, đăng tải **22** tình huống pháp luật trên chuyên mục “Pháp luật và cuộc sống”. Nội dung về Bộ luật

⁶ Bộ luật Lao động năm 2019 (210 cuốn); Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020 (210 cuốn); Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (210 cuốn); Luật Cư trú năm 2020 (200 cuốn); Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung 2020) (230 cuốn); Luật Phòng, chống HIV/AIDS (200 cuốn); Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 (205 cuốn); Luật Thi hành án hình sự năm 2019 (205 cuốn); Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 (230 cuốn).

Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ Luật Lao động năm 2019, Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống hoạt động “tín dụng đen”,... Phối hợp với VNPT An Giang gửi **53.906** tin nhắn điện thoại PBGDPL tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế nhân kỷ niệm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/2); Luật Phòng, chống mua bán người cho người dân trên địa bàn tỉnh An Giang với **12.202** thuê bao điện thoại thuộc các mạng Vinaphone, Mobiphone, Viettel.

- *Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật*
- + *Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*

Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang⁷; Báo cáo số 576/BC-UBND ngày 12/9/2022 tình hình công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh An Giang từ năm 2020 đến 06 tháng đầu năm 2022⁸. Tiếp Đoàn kiểm tra liên ngành do Bộ Tư pháp chủ trì kiểm tra về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại tỉnh An Giang. Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức Hội thảo về công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.

Tổng số Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành được Ban pháp chế HĐND tỉnh thực hiện tự kiểm tra là 20/20 văn bản, đạt 100%; tổng số Quyết định do UBND tỉnh ban hành được kiểm tra là 36/36 văn bản, đạt 100%; tổng số văn bản do UBND các huyện, thị xã và thành phố ban hành gửi đến Sở Tư pháp để thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền là 55/55 quyết định, đạt 100%. Qua kiểm tra, phát hiện một số văn bản sai về thể thức, kỹ thuật trình bày, đồng thời kiến nghị xử lý 01 quyết định do UBND huyện ban hành do sai về thẩm quyền ban hành (UBND huyện đã hoàn thành việc xử lý).

Trong năm 2022, Sở Tư pháp chủ trì tổ chức kiểm tra công tác kiểm tra theo địa bàn tại huyện Chợ Mới và An Phú gồm **29** văn bản QPPL còn hiệu lực⁹. Qua kiểm tra, nhận thấy HĐND, UBND huyện An Phú và huyện Chợ Mới đã ban hành văn bản QPPL kịp thời, đúng thẩm quyền, đảm bảo cơ sở pháp lý và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn, từ đó góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước ở địa phương. Một số văn bản phát sinh về lỗi kỹ thuật, thể thức trình bày và **10** văn bản cần phải rà soát theo quy định của pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

Tình hình xử lý văn bản trái pháp luật theo kiến nghị, kết luận của Bộ Tư pháp: Trên cơ sở Kết luận số 3786/KL-ĐCTLN ngày 06/10/2022 của Đoàn công tác liên ngành - Bộ Tư pháp kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh An Giang, Sở Tư pháp tham mưu

⁷ Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh.

⁸ Báo cáo số 576/BC-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh.

⁹ Kế hoạch số 46/KH-STP ngày 03/3/2022, Báo cáo số 103/BC-STP ngày 29/4/2022 của Sở Tư pháp.

UBND tỉnh ban hành Công văn số 1211/UBND-NC ngày 18/10/2022 về việc thực hiện Kết luận của Đoàn công tác liên ngành thực hiện việc kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại tỉnh An Giang; Báo cáo số 714/BC-UBND ngày 04/11/2022 kết quả xử lý kiến nghị theo Kết luận số 3786/KL-ĐCTLN. Quá trình xây dựng văn bản, địa phương đã tổ chức rà soát, đánh giá quy định liên quan để xây dựng dự thảo; lấy ý kiến cơ quan liên quan đến nội dung dự thảo; đăng tải dự thảo lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh trước khi ban hành. Đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định hướng dẫn thi hành.

+ Về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành: Công văn số 1013/UBND-NC ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023; Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục nghị quyết, quyết định QPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2021 với 149 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ (11 nghị quyết, 101 quyết định, 37 chỉ thị), 26 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần (06 nghị quyết, 20 quyết định).

Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh rà soát, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp kết quả rà soát văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đang có hiệu lực thi hành tính đến ngày 31/3/2022¹⁰; rà soát thường xuyên 331 văn bản QPPL trong các lĩnh vực: an ninh trật tự, dân tộc - tôn giáo, công thương, giáo dục và đào tạo, giao thông vận tải, kế hoạch và đầu tư, lao động - thương binh và xã hội, nông nghiệp và phát triển nông thôn, nội vụ, ngoại vụ, quốc phòng an ninh, tài chính, tài nguyên và môi trường, thông tin và truyền thông, tư pháp, thanh tra, văn hóa, thể thao và du lịch, xây dựng, y tế và xúc tiến thương mại (đã xử lý 175 văn bản).

Trên cơ sở kết quả rà soát theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành đang có hiệu lực thi hành tính đến ngày 31/3/2022, UBND tỉnh trình HĐND ban hành 09 Nghị quyết bãi bỏ 26 văn bản quy phạm pháp luật¹¹.

+ Về tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và bố trí kinh phí, nhân lực cho công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát VBQPPL: Sở Tư pháp tham mưu tổ chức 01 Hội nghị tập huấn chuyên sâu công tác văn bản với 70 đại biểu tham dự;

¹⁰ Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

¹¹ Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND

kinh phí UBND tỉnh cấp cho Sở Tư pháp năm 2022 để thực hiện chung các nhiệm vụ của công tác xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật là: 580.000.000 đồng (*So với năm 2021 tăng 40.000.000 đồng*).

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trong năm, Sở đề xuất UBND tỉnh phê duyệt phương án rà soát đơn giản hóa TTHC với 03 thủ tục gồm: Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam; Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ; Thủ tục bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai. Trên cơ sở yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã có báo cáo gửi UBND tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền Trung ương sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

Sở Tư pháp bố trí 02 công chức phụ trách tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Trang thiết bị máy móc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc và số hóa theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Đồng thời đang triển khai việc trả kết quả bằng bản điện tử cho cá nhân, tổ chức. Trong năm, Sở không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các quyết định: Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 sửa đổi Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tư pháp; Trưởng, Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang kèm theo Quyết định 02/2019/QĐ-UBND; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 về việc tổ chức lại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang; Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh An Giang; Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 phê duyệt Đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự của Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang giai đoạn 2022 – 2026; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 phê duyệt Đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang giai đoạn 2022 – 2026; Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 phê duyệt Đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về

thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự của Phòng Công chứng số 2 giai đoạn 2022 – 2026. Sở Tư pháp đang tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các Đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

Sở Tư pháp tỉnh An Giang hiện có **10** phòng, đơn vị thuộc Sở với **83** nhân sự, nhân sự hiện có của Sở được Bộ Tư pháp đánh giá khá so với mức bình quân chung của cả nước. Đến nay, **3/4** đơn vị sự nghiệp thuộc Sở là Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang, Phòng Công chứng số 2 tỉnh An Giang và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang đã triển khai thực hiện Đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và nhân sự giai đoạn 2022 - 2026.

4. Cải cách chế độ công vụ

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực được quan tâm thường xuyên, có chiều sâu nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ ngày càng mở rộng và tăng cường trên nhiều lĩnh vực. Sở Tư pháp tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp phòng giai đoạn 2016 - 2021; Chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở giai đoạn 2016 - 2021 và 2021 - 2026. Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc Sở 04 trường hợp. Tiếp nhận vào công tác 02 công chức. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng. Rà soát việc thực hiện khắc phục theo Kết luận số 71-KL/TW và Hướng dẫn số 2965/HD-BNV đối với công chức, viên chức thuộc Sở và Hướng dẫn số 2965/HD-BNV đối với 03 trường hợp.

Thực hiện Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022 và Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022, tổng số biên chế đã thực hiện tại Sở Tư pháp là 71 (Bao gồm 18 biên chế hiện có tại 03 đơn vị sự nghiệp đã tự chủ). Về chuyên môn, Sở Tư pháp tỉnh An Giang hiện có 09 thạc sĩ luật, 50 đại học luật, 01 trung cấp luật, 10 đại học khác và 01 trung cấp khác.

Trong năm, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức¹²; Phát động phong trào thi đua ngành tư pháp năm 2022¹³; Kế hoạch nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức và người lao động Sở Tư pháp năm 2022; Nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức 08 trường hợp và nâng lương trước niên hạn 05 trường hợp. Báo cáo rà soát, đánh giá tình hình tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Tư pháp. Cử

¹² Kế hoạch số 07/KH-STP ngày 14/01/2022 của Sở Tư pháp.

¹³ Kế hoạch số 11/KH-STP ngày 20/01/2022 của Sở Tư pháp.

100 lượt công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022. Quyết định bổ sung kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ của Sở Tư pháp năm 2021 và công bố công khai kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ của Sở Tư pháp năm 2021. Quyết định công bố công khai dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2022; giao dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2022. Quyết định công bố công khai dự toán năm 2022.

- Báo cáo nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2021. Báo cáo Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; Tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2021; đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ của các cơ quan hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ năm 2021. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021. Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí năm 2022 của Sở. Trình Sở Kế hoạch và đầu tư Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Chuyển đổi dữ liệu hộ tịch (giai đoạn 2). Xin ý kiến Sở Tài chính về bảo trì sửa chữa trụ Sở Tư pháp.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- *Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật*: Thực hiện quy định tại khoản 6, Điều 23, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Sở Tư pháp tổ chức cập nhật 100% văn bản quy phạm pháp luật. Trong năm 2022, Sở Tư pháp cập nhật 90 quyết định QPPL lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

- *Công tác chuyển đổi số*: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 về tái cấu trúc quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 về tái cấu trúc Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Sở Tư pháp thực hiện tốt việc cập nhật, xử lý và quản lý dữ liệu của các phần mềm, hệ thống ứng dụng do Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai như: Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung, Hệ thống thông tin và quản lý hộ tịch, Hệ thống thông tin quản lý danh mục và quản lý hộ tịch 158 (Hệ thống 158), Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Phần mềm thống kê ngành tư pháp, Hệ thống tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh An Giang, Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh An Giang.

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 77/KH-STP ngày 06/5/2022 triển khai thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND và tiến hành rà soát Quyết định số

06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ¹⁴; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022; Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số năm 2022¹⁵; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Danh mục tài liệu, số liệu, thông tin công bố, công khai của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang. Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 137/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân. Tiếp và làm việc với Đoàn Kiểm tra công tác triển khai Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh.

Số hóa dữ liệu hộ tịch: Giai đoạn từ 2003-2015: Sở Tư pháp đã tiến hành số hóa và cập nhật vào Hệ thống 158 **1.089.975 dữ liệu** (khai sinh, khai tử, kết hôn) và đã chuyển qua Hệ thống thông tin và quản lý hộ tịch **335.696 dữ liệu**. Giai đoạn từ 2003 trở về trước: Sở Tư pháp đang tiến hành số hóa các dữ liệu khai sinh, khai tử, kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân, nhận cha, mẹ, con với số lượng **2.550.998 dữ liệu**. Dự kiến hoàn thành trước năm 2025.

7. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Sở Tư pháp đã thực hiện tốt việc áp dụng và duy trì HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 và tuân thủ các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tất cả các hồ sơ đều được giải quyết đúng theo quy định về thành phần hồ sơ và thời gian trả kết quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Nhờ sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc nên công tác cải cách hành chính của đơn vị dần đi vào nề nếp, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đặc biệt, Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo Phòng Xây dựng kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật tập trung triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ cải cách thể chế theo nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh giao, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh trong năm 2022.

- Công tác xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật triển khai các mặt công tác với nhiều phương pháp đổi mới; các quy định của địa phương ngày càng cụ thể, phù hợp với thực tiễn, đóng góp tích cực vào công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của tỉnh, của ngành Tư pháp, từ đó được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đối với mảng công tác này¹⁶. Công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính được triển khai kịp thời, đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức liên quan đến xử lý vi

¹⁴ Tờ trình số 50/TTr-STP ngày 15/4/2022 của Sở Tư pháp.

¹⁵ Kế hoạch số 85/KH-STP ngày 26/5/2022 của Sở Tư pháp.

¹⁶ HĐND yêu cầu hồ sơ dự thảo nghị quyết cá biệt gửi qua HĐND tỉnh phải có văn bản góp ý của Sở Tư pháp (Phụ lục II, Công văn 1212/UBND-NC).

Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (BCSD) yêu cầu các hồ sơ trình BCSD liên quan đến pháp lý phải lấy ý kiến của Sở Tư pháp (TB-146/TB-BCSD)

phạm hành chính. Công tác theo dõi thi hành pháp luật ngày càng đi vào lĩnh vực trọng tâm, đạt được nhiều kết quả nổi bật; quản lý nhà nước về công tác pháp chế, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đảm bảo tiến độ kế hoạch,...

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên được triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế như: tập huấn trực tiếp, tổ chức Hội thi, Cuộc thi trực tuyến, Tọa đàm, biên soạn và phát hành tài liệu sổ tay, bản tin; từ đó, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cũng như người dân trên địa bàn tỉnh sống và thực hiện theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế; nguyên nhân

Nguồn nhân lực thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật chỉ đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch. Tuy nhiên, trước yêu cầu tăng cường pháp chế dẫn đến phát sinh rất nhiều nhiệm vụ đột xuất được giao, do đó một số đầu công việc phải điều chỉnh dời thời gian thực hiện so kế hoạch năm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, Sở Tư pháp tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính như sau:

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản có liên quan. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính; công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác pháp chế. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 – 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Tư pháp. Cập nhật quy trình nội bộ sang quy trình điện tử vào hệ thống thông tin điện tử (Cổng DVC) của tỉnh. Rà soát, cập nhật công bố danh mục TTHC thực hiện và không thực hiện tại bộ phận một cửa. Rà soát, cập nhật công bố danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích. Tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện việc trả kết quả bằng bản điện tử cho cá nhân và tổ chức. Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Thông tư số 07/2020/TT-BTP về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Đề án “Kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan Tư pháp trên địa bàn tỉnh An Giang”; Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy tại Sở Tư pháp và Đề án tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Cải cách chế độ công vụ

Tiếp tục quan tâm, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc củng cố và nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ công chức tư pháp cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong thời gian tới. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ trong các lĩnh vực như: chứng thực, hộ tịch, bồi thường nhà nước, hòa giải ở cơ sở, xây dựng văn bản,... theo kế hoạch đã đề ra.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ. Kiểm kê tài sản năm 2023. Xây dựng dự toán kinh phí năm 2024. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023. Mua sắm vật tư, dụng cụ, thiết bị công cụ; Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp triển khai và thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, trong đó tập trung thực hiện các thủ tục hành chính theo Đề án 06 thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp.

- Tiếp tục triển khai Luật Hộ tịch; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Thông tư số 04/2020/BTT-BTP ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/1/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định pháp luật, cụ thể: Thực hiện tốt việc tiếp nhận, kiểm tra, phân loại đối với thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp; Cung cấp đầy đủ, kịp thời bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; thực hiện tốt việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp; đảm bảo chất lượng lập lý lịch tư pháp đúng quy định; Chủ động rà soát, kiểm tra dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, phối hợp với TAND trong và ngoài tỉnh bổ sung các bản án hình sự còn ở trạng thái “chờ bổ sung”, hoàn chỉnh mã số LLTP và gửi bản LLTP điện tử về Trung tâm LLTPQG theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Bộ Tư pháp cần có sự hỗ trợ kịp thời hơn nữa về chuyên môn của Cục công nghệ thông tin và Bộ Công an trong việc cập nhật, sửa chữa lỗi phần mềm và cấp số định danh kịp thời cho người dân.

2. Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) nâng cấp, đảm bảo hệ thống Hệ thống thông tin và quản lý hộ tịch và Hệ thống 158 hoạt động ổn định; sửa chữa các lỗi liên quan đến mật khẩu và bản in trích lục hộ tịch; hủy bỏ thao tác soạn văn bản đề nghị Phòng Tư pháp duyệt cho phép bổ sung, sửa đổi thông tin đối với dữ liệu hộ tịch từ Hệ thống 158 chuyển sang Hệ thống thông tin và quản lý hộ tịch.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2022 của Sở Tư pháp. Sở Tư pháp báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp./*M*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Công Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, CCHC.

GIÁM ĐỐC



Cao Thanh Sơn



Phụ lục 1B

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI SỞ, BAN NGÀNH**

(Kèm theo Báo cáo số 382 /BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, Công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	30		
3.	Kiểm tra CCHC				
3.1.	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0		
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0		
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0		
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)		-		
4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-		

4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao				
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	-		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	-		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	-		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	-		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		-		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-		
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	-		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2A

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ CỦA TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	56	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	55	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	331	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	156	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong	Văn bản	175	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 3A

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	3		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	4		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục			
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục			
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	5		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0		

3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	12.056		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	12.050		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ			
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ			
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ			
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ			
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	0		
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN			

Phụ lục 4B

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI SỞ, BAN NGÀNH TỈNH**
(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn đã hoàn thành việc sắp xếp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100		
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	4		
1.2.1.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	4		
1.2.2.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0		
2.	Số liệu về biên chế công chức				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	44		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	41		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	15		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	18		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	13		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	15	Tính trên biên chế được giao	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ TẠI SỞ, BAN NGÀNH TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	02	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		01	Viên chức
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	0	



Phụ lục 6B

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
TẠI SỞ, BAN NGÀNH; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**
(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lấy kể đến thời điểm báo cáo)			
1.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị	04	
1.2.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
1.3.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	03	
1.4.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
1.4.1.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.4.2.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.4.3.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
1.5.	Số ĐVSN trực thuộc do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
1.6.	Số lượng ĐVSN trực thuộc đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lấy kể đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		



Phụ lục 7B

THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ TẠI SỞ, BAN NGÀNH TỈNH*(Kèm theo Báo cáo số 382/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Sở Tư pháp)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		-	
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		-	
3.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với đơn vị mình</i>	%	-	
3.1.2.	<i>Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với đơn vị mình</i>	%	-	
3.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với đơn vị mình</i>	%	-	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	-	
3.3.	Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		-	

4.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
4.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	24	
4.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	24	
4.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	-	
4.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
4.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	68	
4.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	68	
4.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	-	
4.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
4.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	92	
4.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	92	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	-	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	-	
4.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	-	